

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Chương trình lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm
trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026 - 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới;

Căn cứ Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 121/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định 86/QĐ-UBND, ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 774/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch

UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Các sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các Thành viên Ban Chỉ đạo¹;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT, VHXX_{NVH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đâu Thanh Tùng

¹Các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 2833/QĐ-UBND ngày 21 ngày 8 năm 2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Thanh Hóa; số 3377/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa; số 3974/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa; số 249/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa.

CHƯƠNG TRÌNH

Lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) ở các cấp; hoạt động giám sát ATTP giúp đánh giá, nhận diện và cảnh báo các nguy cơ gây mất ATTP đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm lưu thông trên thị trường nhằm định hướng giải pháp quản lý góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển.

- Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hạn chế tình trạng ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng.

- Nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh, tạo niềm tin đối với người tiêu dùng, từ đó nâng cao uy tín, thương hiệu cho nông sản thực phẩm của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai, thực hiện phải đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, đúng đối tượng, nội dung và tiến độ, bảo đảm tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Công tác lấy mẫu giám sát, đánh giá các nguy cơ về ATTP phải tập trung vào các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao, sản phẩm được người dân sử dụng hàng ngày, kịp thời phát hiện và ngăn chặn tối đa các nguy cơ gây mất ATTP.

- Thực hiện chế độ báo cáo, thông tin cảnh báo và xử lý, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm mất an toàn theo quy định.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền, các ngành chức năng trong công tác đảm bảo ATTP trong tình hình mới; tăng cường hoạt động giám sát an toàn thực phẩm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm; đảm bảo người dân trên địa

bàn tỉnh được sử dụng thực phẩm an toàn, có kiểm soát; giảm thiểu sự cố về an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn tỉnh; góp phần thực hiện thắng lợi chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

Số lượng mẫu thực phẩm được lấy để giám sát của từng sở, ngành, UBND các xã, phường được giao (*có Phụ lục chi tiết kèm theo*).

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng giám sát ATTP

Các sản phẩm, nhóm sản phẩm có nguy cơ cao gây mất ATTP, sản phẩm được người dân sử dụng hàng ngày như: Rau, củ, quả và sản phẩm từ rau, củ, quả; thịt và sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; nước uống đóng chai; đá dùng liền và nước nước đá dùng để bảo quản, chế biến thực phẩm; rượu, nước giải khát, sữa tươi, tinh bột và sản phẩm từ tinh bột, bánh, kẹo,...

2. Phạm vi giám sát ATTP

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; chợ kinh doanh thực phẩm, chợ đầu mối, chợ đầu giá nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan giám sát ATTP

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
- UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

4. Nội dung giám sát

Lấy mẫu thực phẩm, kiểm nghiệm các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm, chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm để đánh giá sự phù hợp so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn sản phẩm của cơ sở công bố.

5. Cơ quan giám sát, số lượng mẫu và trình tự thực hiện giám sát

5.1. Phân công cơ quan thực hiện lấy mẫu giám sát ATTP

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổ chức lấy mẫu giám sát ATTP tại các chợ đầu mối, chợ đầu giá nông lâm thủy sản, các cơ sở chuyên doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, nhóm sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường được quy định tại Phụ lục II, Quyết định 121/2025/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Sở Y tế: Tổ chức lấy mẫu giám sát ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, nhóm sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế được quy định tại Phụ lục I, Quyết định 121/2025/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa

- Sở Công Thương: Tăng cường kiểm tra, kiểm soát đối với các sản

phẩm, nhóm sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Công Thương được quy định tại Phụ lục III, Quyết định số 121/2025/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá; kết hợp lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm (nếu cần thiết) đối với nhóm thực phẩm có nguy cơ cao gây mất ATTP.

- UBND các xã, phường: Tổ chức lấy mẫu giám sát ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn được phân cấp quản lý, đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, sản phẩm được sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ nhiều trên địa bàn.

5.2. Số lượng mẫu giám sát ATTP

Trên cơ sở số lượng mẫu giám sát được giao, các sở, ngành, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch lấy mẫu giám sát phù hợp với từng thời điểm, mùa vụ, tập trung vào các đợt cao điểm như: Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, mùa lễ hội, mùa du lịch và Tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Tùy theo tình hình thực tế, các sở, ngành, UBND các xã, phường có thể tăng số lượng mẫu giám sát, sản phẩm thực phẩm cần giám sát hoặc các sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao gây mất ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý đảm bảo theo đúng quy định.

5.3. Nội dung, trình tự thực hiện giám sát

a) Tổ chức lấy mẫu thực phẩm

- Căn cứ vào kế hoạch đã được phê duyệt, cơ quan giám sát tổ chức thực hiện lấy mẫu giám sát.

- Công tác lấy mẫu giám sát phải bảo đảm lấy được mẫu đại diện, truy xuất được nguồn gốc, thuận lợi cho việc triển khai kế hoạch giám sát.

- Bảo quản mẫu và chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm cụ thể cho từng mẫu; khối lượng mẫu kiểm nghiệm phải đảm bảo đủ để kiểm nghiệm lần đầu và kiểm nghiệm khẳng định; Lập biên bản thu mẫu, có chữ ký của người lấy mẫu, đại diện cơ sở được lấy mẫu.

- Mẫu sau khi lấy phải được niêm phong và có ký hiệu nhận biết (*mã hóa*). Cơ quan giám sát phải gửi mẫu đến các Phòng kiểm nghiệm để thực hiện kiểm nghiệm kịp thời theo yêu cầu của từng loại mẫu và chỉ tiêu phân tích.

b) Kiểm nghiệm

- Việc xác định các mối nguy để kiểm nghiệm: Căn cứ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn sản phẩm của cơ sở công bố, đánh giá các mối nguy về ATTP đối với sản phẩm/nhóm sản phẩm và các quy định khác của nhà nước có liên quan về chất lượng, an toàn thực phẩm là cơ sở để xác định.

- Mẫu giám sát được thực hiện kiểm nghiệm tại các phòng kiểm nghiệm đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước hoặc công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005.

c) Xử lý kết quả giám sát

- Đối với kết quả lấy mẫu giám sát không phát hiện nguy cơ gây mất ATTP: Cơ quan giám sát thông báo kết quả đến cơ sở được lấy mẫu biết để tiếp tục duy trì thực hiện các điều kiện về đảm bảo ATTP trong sản xuất, kinh doanh tại cơ sở.

- Đối với kết quả lấy mẫu giám sát phát hiện mẫu thực phẩm không đáp ứng quy định về ATTP, cơ quan lấy mẫu giám sát thực hiện các nội dung:

+ Thông báo bằng văn bản tới cơ sở được lấy mẫu giám sát và cơ quan quản lý cơ sở; yêu cầu cơ sở thực hiện việc truy xuất nguồn gốc, thu hồi sản phẩm không đảm bảo ATTP; xác định nguyên nhân vi phạm và thực hiện các biện pháp khắc phục phù hợp.

+ Lấy mẫu giám sát tăng cường đối với cơ sở có mẫu vi phạm cho đến khi kết quả giám sát đáp ứng quy định về ATTP.

+ Thông báo cho cơ quan quản lý để tổ chức giám sát các biện pháp khắc phục, kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

5.4. Công khai kết quả lấy mẫu giám sát ATTP

Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Công Thương; UBND các xã, phường, căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành, phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn thực hiện công khai kết quả lấy mẫu giám sát ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của các sở, ngành, hệ thống loa truyền thanh, niêm yết tại nhà văn hóa thôn, chợ theo đúng các quy định để đông đảo nhân dân trong tỉnh được biết.

6. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 - 2030.

7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí theo phân cấp ngân sách; các nhiệm vụ chi từ ngân sách cấp tỉnh được bố trí từ kinh phí thực hiện Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm, lồng ghép với nguồn chi thường xuyên, nguồn các chương trình đề án, dự án, kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030; nguồn xã hội hóa và huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hằng năm xây dựng kế hoạch và xây dựng dự toán chi tiết kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính thẩm định và tổ chức thực hiện chương trình lấy mẫu giám sát ATTP theo lĩnh vực được phân công.

- Tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có mẫu giám sát không đáp ứng yêu cầu về ATTP theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các sở: Công Thương, Y tế đôn đốc, hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình này, định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình giám sát báo cáo Chủ tịch UBND

tính trước 15 tháng 12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Các Sở: Y tế, Công Thương

- Hằng năm xây dựng kế hoạch và xây dựng dự toán chi tiết kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính thẩm định và tổ chức thực hiện chương trình lấy mẫu giám sát ATTP theo lĩnh vực được phân công.

- Tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có mẫu giám sát không đáp ứng yêu cầu về ATTP theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình giám sát ATTP gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 05 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Chương trình; căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, UBND xã, phường hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở thực hiện công khai kết quả giám sát ATTP theo đề nghị của các sở, ngành, UBND các xã, phường.

5. Đề nghị Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa, các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về ATTP, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan công khai kết quả lấy mẫu giám sát ATTP trên các chuyên trang, chuyên mục theo đề kịp thời cảnh báo nguy cơ gây mất ATTP đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Phối hợp với các Sở, ngành tổ chức thực hiện chương trình lấy mẫu giám sát ATTP trên địa bàn quản lý.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình lấy mẫu giám sát ATTP trên địa bàn theo quy định.

- Bố trí ngân sách của địa phương, tranh thủ kinh phí hỗ trợ của các dự án (nếu có) và huy động xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp để tổ chức thực hiện chương trình lấy mẫu giám sát đảm bảo hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn.

- Tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các cơ sở có mẫu giám sát không đáp ứng yêu cầu về ATTP theo quy định của pháp luật.

- Chủ động, phối hợp các cơ quan liên quan trong việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm ATTP.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả lấy mẫu giám sát ATTP gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 05 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh./.

Phụ lục

SỐ LƯỢNG MẪU THỰC HIỆN GIÁM SÁT ATTP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Cơ quan thực hiện	Số lượng mẫu giám sát					
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng
I	Sở Y tế thực hiện giám sát đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý, gồm:	54	69	69	69	69	330
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm	30	30	30	30	30	150
2	Thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	24	24	24	24	24	120
4	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Y tế	0	15	15	15	15	60
II	Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện giám sát đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý, gồm	487	692	875	1.040	1.200	4.294
1	Ngũ cốc và các sản phẩm ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (xay sát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...)	20	40	40	40	40	180
2	Thịt gia súc, gia cầm và phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...)	100	120	150	180	200	750
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm (khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin...); Sản phẩm phối chế có chứa thịt (giò, chả, nem, Lạp sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tẩm bột, tẩm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...)	50	80	100	120	130	480

TT	Cơ quan thực hiện	Số lượng mẫu giám sát					
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng
4	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...)	50	80	100	120	130	480
5	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến); sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phòng tôm, cá, mực,...)	50	50	80	100	150	430
6	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay,...)	100	120	150	150	150	670
7	Rau, củ, quả chế biến (lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép,...)	50	80	100	120	150	500
8	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư; Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (bóc vỏ, đóng bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược,...)	10	30	50	80	100	270
9	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng; Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	5	10	10	15	20	60
10	Muối biển, muối mỏ; muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	5	10	10	15	15	55
11	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch chiết, mù tạt,...)	5	10	15	20	25	75
12	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt	10	10	10	10	10	50

TT	Cơ quan thực hiện	Số lượng mẫu giám sát					
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng
13	Tương, nước chấm	5	10	10	15	15	55
14	Đường mía	5	10	10	10	10	45
15	Chè tươi, chè biến đã hoặc chưa pha hương liệu; Các sản phẩm trà từ thực vật khác	10	20	20	25	30	105
16	Các loại hạt (hướng dương, hạt bí, hạt dưa,...) đã hoặc chưa chế biến; Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã sơ chế, chế biến (măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành ngoại trừ đậu; vỏ, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây,...)	10	10	15	15	20	70
17	Tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến	2	2	5	5	5	19
III	UBND các xã/phường thực hiện giám sát đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm có nguy cơ mất ATTP, sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế trên địa bàn quản lý (số lượng của mỗi xã/phường)	10	15	20	25	30	100